

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 12 năm 2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - . Ông Nguyễn Hồng
 - . Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T - sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn CM, xã VT, huyện VN, tỉnh KH.

Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ L - sinh năm: 1980;

Trú tại: Thôn CM, xã VT, huyện VN, tỉnh KH.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án đề ngày 26/9/2022, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2022, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007 và đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện TA, tỉnh PY. Giấy chứng nhận kết hôn số 43 cấp ngày 04/01/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và do anh L không lo chí thú làm ăn mà thường xuyên nhậu say rồi về nhà la mắng, đập phá đồ đạc, chửi bới, xúc phạm chị T. Từ tháng 7/2022 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống không còn quan hệ gì với nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu xin được ly hôn.

- Về con chung: Chị T xác định giữa vợ chồng có 02 (hai) con chung là:

Đỗ Gia H - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007

Đỗ Lâm Bảo N - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010

Hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Khi vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định giữa vợ chồng không có nợ chung.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2022, bị đơn anh Đỗ L trình bày:

Anh L và chị Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007 và đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện TA, tỉnh PY. Giấy chứng nhận kết hôn số 43 cấp ngày 04/01/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Tuy đôi lúc cũng có cãi vã, tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống. Anh L xác định vẫn còn yêu thương chị T, anh mong muốn vợ chồng trở lại chung sống đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L xác định giữa vợ chồng có 02 (hai) con chung là:

Đỗ Gia H - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007

Đỗ Lâm Bảo N - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010

Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L xác định giữa vợ chồng không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên

đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ L có địa chỉ tại thôn CM, xã VT, huyện VN, tỉnh KH; nên căn cứ theo khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Tại phiên tòa anh L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện TA, tỉnh PY cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 cấp ngày 04/01/2008. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Đỗ L được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L. Xét lời khai của chị T thì thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh L có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu, quý trọng nhau. Từ tháng 7/2022 đến nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc ai. Như vậy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến hồi trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T. Việc anh L yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn không được chị T đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh L.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh L đều xác định giữa vợ chồng có 02 (hai) con chung là:

Đỗ Gia H - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007

Đỗ Lâm Bảo N - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010

Hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Xét: Hiện nay các con chung Đỗ Gia H - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007 và Đỗ Lâm Bảo N - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010 hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H và cháu N đều có yêu cầu được sống chung với mẹ. Xét yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì thấy nên

giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh L đều xác định vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Đỗ L.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Đỗ Gia H - sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007 và Đỗ Lâm Bảo N - sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị T, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Đỗ L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003528 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã AĐ,
huyện TA, tỉnh PY;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Hòa Thanh